

Số: 725/QĐ-UBND

Ngọc Hồi, ngày 28 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu vực phía Bắc thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 24/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung điều chỉnh thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum đến năm 2030.

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại tờ Trình số 28/TTr-KTHT ngày 21/11/2016 về việc đề nghị phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu vực phía Bắc thị trấn Plei Kần và Báo cáo thẩm định số 58/BC-KTHT ngày 23/11/2016 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu vực phía Bắc thị trấn Plei Kần với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án

Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu vực phía Bắc thị trấn Plei Kần.

2. Quy mô, ranh giới lập quy hoạch

- Ranh giới lập quy hoạch:

+ Phía Đông giáp : Sông Pô Kô;

+ Phía Tây giáp : Đất đồi trồng cao su;

+ Phía Nam giáp : Đất khu dân cư, khu hành chính huyện;

+ Phía Bắc giáp : Đất khu dân cư, đồi núi.

- Quy mô diện tích 150 ha. Trong đó:

+ Quy hoạch mới: 110 ha;

+ Quy hoạch điều chỉnh: 40 ha.

3. Tính chất, chức năng của đô thị

- Cụ thể hoá Đồ án quy hoạch chung điều chỉnh thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 25/3/2016.

- Là cửa ngõ, điểm đón phía Bắc đô thị Plei Kần.

- Là điểm phát triển thương mại dịch vụ - du lịch, bố trí đất ở mới, tái định cư, chỉnh trang mở rộng các khu dân cư và các công trình công cộng.

- Là điểm nhấn cảnh quan đô thị khu vực phía Bắc đô thị Plei Kần.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

TT	Hạng mục	Đơn vị	Nhiệm vụ	Quy hoạch
1	Dân số	Người		4.855
1.1	Mật độ cư trú Brutto	ng/ha đất ĐV ở	110-125	
1.2	Mật độ cư trú Netto	ng/ha đất XD	250-270	
2	Chỉ tiêu sử dụng đất			
2.1	Đất đơn vị ở	m ² /người	82,0-83,0	105
a	Nhà ở			
	- Nhà ở hiện trạng	Tb-m ² /đất/hộ	160-180	160-180
	- Nhà chia lô	Tb-m ² /đất/hộ	130-150	130-150
	- Nhà vườn	Tb-m ² /đất/hộ	160-180	160-180
	- Nhà Biệt thự	Tb-m ² /đất/hộ	300-500	300-500
b	Công trình công cộng khu ở	m ² /người	2,5-3,0	4,1
c	Cây xanh đơn vị ở	m ² /người	10,0-12,0	9,3
d	Giao thông đơn vị ở	m ² /người	27,0-30,0	30
2.2	Đất cơ quan, DVCC, TMDV	ha		182.994
2.3	Tầng cao TB toàn khu	Tầng	2-4	2-4

TT	Hạng mục	Đơn vị	Nhiệm vụ	Quy hoạch
	- Nhà ở hiện trạng cải tạo	Tầng	2-3	2-3
	- Nhà ở chia lô	Tầng	3	3
	- Nhà vườn	Tầng	3	3
	- Biệt thự	Tầng	2-3	2-3
	- Công trình giáo dục	Tầng	3-4	1-4
	- Công trình DVCC khác	Tầng	3-7	3-7
	- Cơ quan	Tầng	3-4	2-3
2.4	Mật độ XD Tb trong các lô			
	- Nhà ở cải tạo	%	35-70	35-70
	- Nhà ở chia lô	%	70	70
	- Nhà vườn	%	50-70	50-70
	- Nhà ở Biệt thự	%	35-40	35-40
	- Công trình giáo dục	%	20-30	20-30
	- Công trình DVCC khác	%	30-60	30-60
	- Cơ quan	%	15-30	15-30
3	Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
3.1	Cấp nước sinh hoạt	Lít/ng.ng.đ	80-120	120
3.2	Thoát nước thải	Lít/ng.ng.đ	120	120
3.3	Rác thải	Kg/ng.ng.đ	0,8-1	1,2
3.4	Cấp điện	kw/hộ	2-3	2-3
3.5	Mật độ đường nhựa	Km/km ²	>4	>4

5. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất

* Các khu chức năng:

- Đất công trình công cộng:

Được bố trí tại khu vực trên tuyến N5 bao gồm các cơ quan đã được giao đất và các lô đất mới cho các cơ quan công sở khác và được bố trí thành trục trên một dãy phố diện tích tổng cộng đất cơ quan đã giao 34.659 m² và đất cơ quan quy hoạch mới bổ sung 34.666 m².

- Đất thương mại dịch vụ:

Tổng diện tích 103.729 m².

Đất TM-DV được bố trí trên các trục đường lớn như N5, Hồ Chí Minh và trên tuyến đường đi huyện Đắk Tô.

Ngoài ra bố trí quỹ đất dịch vụ ven hồ tại khu vực hồ điều tiết - cảnh quan, dịch vụ nghỉ dưỡng tại khu vực có cảnh quan đẹp.

- Đất ở dân cư:

Tổng diện tích 307.186 m².

Đất dân cư - thương mại dịch vụ: Phân bố trên các trục đường chính nhằm thúc đẩy quá trình đô thị hóa được nhanh chóng và phù hợp với nhu cầu phát triển thương mại dịch vụ tại địa phương và đa dạng các loại hình kinh doanh thương mại trên địa bàn.

Đất ở xây mới: Được bố trí tại các khu vực có quỹ đất xây dựng thuận lợi, không bị sạt lở, lũ quét.

- Đất mặt nước - cây xanh:

Đất mặt nước: Hồ cấp nước được bố trí tại khu vực trên dòng suối Đắk Rowei và vị trí đập tràn kết hợp với cầu giao thông của đường Nguyễn Văn Linh, với cao trình đập là 622 m, diện tích mặt nước hồ trong ranh giới nghiên cứu 72.385 m².

Hồ điều tiết được xây dựng khu vực hạ lưu của hồ cấp nước, kết hợp hồ cấp nước hình thành khu vực mặt nước xanh góp phần tạo cảnh quan đẹp ấn tượng tại khu vực, cao trình đập tràn hồ điều tiết là 615 m, diện tích mặt nước hồ 46.402 m².

Ngoài ra các tuyến suối nhánh nhỏ đổ vào suối Đắk Rowei cũng được đưa vào khai thác mặt nước cảnh quan kết hợp với các tiểu công viên khu ở. Tổng diện tích 40.988 m².

Đất cây xanh - công viên khu ở - công viên lâm sinh: Được bố trí tại trung tâm các khu ở và dọc theo các khu vực khai thác mặt nước cảnh quan, ngoài ra hệ thống các cây cao su nằm trong khu vực quy hoạch công viên, đất cây xanh đô thị được giữ lại khai thác như công viên lâm sinh. Tổng diện tích công viên cây xanh 45.343 m².

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Chuẩn bị kỹ thuật

Cao độ khống chế:

- Cao độ khống chế trên các tuyến đường giao thông $\geq 616,80$ m.
- Đối với khu vực cao độ nền $\geq 616,80$ m, không bị ngập lụt; chỉ cần san gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng đảm bảo phối hợp hài hoà với khu vực xung quanh và khu vực xây dựng mới.

- Đối với các khu vực xây mới ven bờ suối dọc tuyến đường N5 cần đắp đất tôn nền tránh sạt lở và đảm bảo cao độ nền cho khu vực xây mới. Tổ chức hướng dốc nền về phía đường giao thông có hệ thống thoát nước, độ dốc nền $\geq 0,004$, cao độ nền khống chế lấy cao hơn cốt tim đường đường tại khu vực $0,20$ m.

- Đối với khu vực cây xanh, chọn cao độ nền $\geq 626,00$ m.

Giải pháp thoát nước mặt:

- Dùng mạng lưới cống tròn dọc theo đường phố, cống bản qua đường, trên các sườn cao xây các tuyến mương xây hở đón nước mưa lái dòng chảy ra khỏi khu vực xây dựng, dẫn ra suối.

- Hệ thống thoát nước trên đường được xây dựng đồng bộ, bao gồm tuyến cống, giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra, hố ga và cửa xả.

- Độ dốc mương dọc cơ bản theo độ dốc thiết kế đường giao thông, nhưng không nhỏ hơn 2‰.

Các công tác chuẩn bị kỹ thuật khác:

- Tại khu vực sạt lở dọc tuyến đường N5 tiến hành đắp đất, đồng thời thay đổi hướng thoát nước mưa tại khu vực này.

- Xây các hồ nước, khai thông các dòng chảy để mùa mưa lũ thì giữ nước lại, mùa nắng thì tưới tiêu đồng ruộng.

6.2. Giao thông

a. Giao thông đối ngoại:

- Tuyến đường Hồ Chí Minh (giai đoạn I): Mặt cắt ngang $36,0$ m, trong đó mặt đường rộng $2 \times 11,25$ m, dải phân cách rộng $1,5$ m, vỉa hè mỗi bên rộng $6,0$ m.

- Đường N5 có mặt cắt 1-1: Mặt cắt ngang rộng $74,0$ m, trong đó mặt đường rộng $(2 \times 7,5) + (2 \times 10,5)$ m, dải phân cách $(8 + 8 + 8)$ m, vỉa hè mỗi bên rộng $7,0$ m.

- Tuyến đường N5 đi huyện Đắk Tô: Mặt cắt ngang rộng $20,0$ m, trong đó mặt đường rộng $11,0$ m, vỉa hè mỗi bên rộng $4,5$ m.

b. Giao thông nội bộ:

*** Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:**

STT	Ký hiệu	Danh mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A		Đất trong khu dân dụng	516.422	34,43
I	A	Đất công cộng khu ở	11.021	0,73
II	GD	Đất giáo dục	9.396	0,63
III	YT	Đất y tế	4.158	0,28
IV	CX	Đất cây xanh khu ở	45.343	3,02
V	ĐỜ	Đất ở	307.186	20,48
VI	GT	Đất giao thông nội bộ	139.318	9,29
B		Đất ngoài khu dân dụng	983.578	65,57
I	A	Đất trụ sở cơ quan	69.325	4,62
II	B	Đất thương mại dịch vụ	103.729	6,92
III	CXCQ	Đất cây xanh cảnh quan	310.288	20,69
IV	CXCL	Đất cây xanh cách ly	87.978	5,87
V	MN	Mặt nước	160.323	10,69
VI	QS	Đất quân sự	61.879	4,13
VII	ĐK	Đất khác	1.229	0,08
VIII	P	Bãi đỗ xe	6.333	0,42
IX		Đất giao thông đối ngoại	182.494	12,17
Tổng diện tích đất quy hoạch			1.500.000	100,00

*** Các yếu tố khống chế và giải pháp:**

- Các yếu tố khống chế: Được xác định đó là đường Hồ Chí Minh, tuyến N5 và các tuyến giao thông liên khu vực, suối và các khe suối chảy về suối Đăk RơWei, hành lang an toàn đường điện 500kV, các khu vực đã thỏa thuận địa điểm giao đất.

- Dựa theo địa hình hiện trạng: Hạn chế can thiệp mạnh về san ủi, hướng đến khai thác địa hình tạo thành nét đặc trưng cảnh quan khu vực, nâng mực nước suối Đăk RơWei lên vị trí cho phép nhằm khai thác cảnh quan mặt nước và hạn chế sạt lở do dòng chảy mặt gây ra.

- Tôn trọng địa vật: Khu vực không có công trình tôn giáo tín ngưỡng hay các địa vật khác xác định.

công tác phòng cháy chữa cháy, áp lực đảm bảo cấp nước cho nhà 2 tầng với áp lực tự do thấp nhất là 14 m. Để đảm bảo áp lực đến các công trình công cộng, dịch vụ, các hộ tiêu thụ những nhà cao hơn 2 tầng cần có bể chứa và dùng bơm tăng áp cục bộ. Đối với những vị trí có áp lực tự do lớn cần bố trí các van giảm áp tránh việc ống bị vỡ.

- Cấp nước phòng cháy, chữa cháy:

Nhằm đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy cho khu vực trên các trục đường giao thông với đường ống đi qua có $\Phi \geq 110$ sẽ tổ chức các họng cứu hỏa lấy nước từ mạng lưới cấp nước nhằm cung cấp nước phòng cháy chữa cháy cho khu vực (*vị trí họng cứu hỏa xem bản vẽ*), họng cứu hỏa được bố trí tại ngã 3, ngã 4, nơi thuận tiện cho việc lấy nước. Ngoài việc sử dụng các họng cứu hỏa này còn tận dụng nguồn nước mặt nhằm cung cấp lượng nước cứu hỏa kịp thời khi có sự cố xảy ra.

6.4. Cấp điện

- Nguồn điện:

Nguồn cung cấp điện chính phục vụ cho khu vực được lấy từ trạm trung gian E46 110/35(22) - 16MVA Đắk Tô qua xuất tuyến 22kV hiện trạng và trạm cắt 24kV.

- Mạng lưới:

Đường dây 22kV:

Nâng cấp các tuyến hiện có, đồng thời xây dựng mới 1 xuất tuyến 22kV đầu nối từ trạm cắt 24kV của đồ án quy hoạch khu trung tâm hành chính về phục vụ khu vực nghiên cứu.

Toàn bộ đường dây 22kV dùng dây bọc đi nổi, điều chỉnh rẽ nhánh tiết diện dây từ AC75 - AC180 tùy thuộc phụ tải từng khu vực vào cấp điện cho các trạm biến áp 22/0,4kV (*chi tiết bản vẽ quy hoạch cấp điện*).

Đường dây 22kV được thiết kế đi nổi trên trụ bê tông li tâm cao từ 16 m, khoảng cách các trụ từ 35 đến 45 m tùy theo khu vực và địa hình, dùng dây bọc cách điện và vị trí các trụ được đặt cách bó vỉa 0,5 m.

Lưới 0,4kV sinh hoạt:

Khu vực nghiên cứu chủ yếu là phụ tải sinh hoạt và thương mại dịch vụ vì vậy từ trạm biến áp phân phối xây dựng rẽ từ 2 đến 3 nhánh đường dây 0,4kV cáp xoắn đi nổi trên trụ BTLT hạ thế 8,4 m hoặc phụ thuộc trụ trung thế, trực chính XLPE(4x90) rẽ nhánh dùng XLPE(4x70) và XLPE(4x50) (*tính toán lựa chọn tiết diện chi tiết thuộc dự án*).

Kết cấu: Mạng 3 pha 4 dây.

Điện áp định mức: 380/220V

- Đường trục chính đô thị:

Tuyến đường Nguyễn Văn Linh kết nối trung tâm hành chính huyện Ngọc Hồi và Trung tâm hành chính khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y: Mặt cắt ngang rộng 23,0 m, trong đó chiều rộng mặt đường 11,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng 6,0 m.

- Đường liên khu vực:

+ Tuyến liên khu vực số 1: Mặt cắt ngang rộng 22,5 m, trong đó chiều rộng mặt đường 10,5 m, vỉa hè mỗi bên rộng 6,0 m. (*Vị trí phía Bắc khu vực nghiên cứu*).

+ Tuyến liên khu vực số 2: Mặt cắt ngang rộng 20,0 m, trong đó chiều rộng mặt đường 11,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5 m. (*Tuyến đường đi hồ Đăk Tráp*).

+ Tuyến liên khu vực số 3: Mặt cắt ngang rộng 20,0 m, trong đó chiều rộng mặt đường 11,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,5 m. (*Tuyến đường phía Tây khu vực nghiên cứu*).

- Đường khu vực: Mặt cắt ngang rộng 23,25 m, trong đó mặt đường rộng 11,25 m, vỉa hè mỗi bên rộng 6,0 m.

- Đường phân khu vực: Mặt cắt ngang rộng 15,0 m, trong đó mặt đường rộng 7,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,0 m.

- Đường nhóm nhà ở: Mặt cắt ngang rộng 15,0 m, trong đó mặt đường rộng 7,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng 4,0 m.

- Đường nhóm nhà ở: Mặt cắt ngang rộng 11,0 m, trong đó mặt đường rộng 5,0 m, vỉa hè mỗi bên rộng 3,0 m.

- Bãi đỗ xe: Bố trí trên tuyến đường N5 đối diện Công ty đầu tư và phát triển hạ tầng khu kinh tế với quy mô 3.243 m².

6.3. Cấp nước

- Nguồn nước:

Trước mắt người dân và các công trình công cộng trong khu vực nghiên cứu sẽ sử dụng nguồn nước cấp từ nhà máy nước thị trấn Plei Kần. Nhà máy nước đang được triển khai xây dựng tại Công viên đồi pháo binh, tổ dân phố 1, thị trấn Plei Kần cách khu vực nghiên cứu khoảng 2,5 km về hướng Tây Nam với quy mô công suất thiết kế $Q = 5.000 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ (*Nhà máy dự kiến xây dựng hoàn thành đưa vào vận hành, khai thác vào cuối năm 2017*).

Đối với nguồn nước phục vụ công tác tưới cây và rửa đường sẽ dùng nguồn nước từ các hồ cảnh quan và các suối trong khu vực.

- Mạng lưới:

Mạng lưới đường ống gồm D50-300mm được thiết kế theo mạng vòng kết hợp với mạng tia đảm bảo cung cấp đủ lưu lượng nước đến các hộ tiêu thụ trong giờ dùng nước nhiều nhất, đồng thời luôn đảm bảo cấp đủ nước và kịp thời cho

Dây dẫn đi nổi.

Do mạng điện 0,4kV hiện trạng là mạng 3 pha 4 dây.

- Điện chiếu sáng:

Tất cả hệ thống giao thông được chiếu sáng bằng đèn thủy ngân cao áp 220 V- 150 W đến 250w kết hợp trụ hạ thế liền cần cao cách mặt đường 8 đến 10 m, các đường có dải phân cách cây xanh ở giữa như đường HCM được bố trí trụ thép cần đèn đôi. Khoảng cách giữa các đèn 30-35m

Nguồn điện sử dụng cho hệ thống chiếu sáng được lấy từ tủ điều khiển chiếu sáng đặt tại trạm biến áp. Tủ được điều khiển theo 3 chế độ tự động hoặc bằng tay.

Đối với đồ án quy hoạch này, hệ thống chiếu sáng được bố trí 1 bên vỉa hè mặt lòng đường nhỏ hơn 10,5 m.

Đường Hồ Chí Minh bố trí chiếu sáng đi ngầm tại dải phân cách dùng cần đèn đôi trụ thép.

Trạm biến áp:

Với công suất tính toán giai đoạn đầu 2020: $S = 1834\text{kVA}$ (trong đó: Phụ tải DVCC 423kVA) và kết hợp cải tạo các trạm biến áp hiện có tổng công suất $S=755\text{kVA}$ (chỉ tính trong phạm vi nghiên cứu quy hoạch), đề xuất xây dựng mới 3 trạm biến áp công suất 1x320kVA và 2x400kVA phục vụ sinh hoạt, dịch vụ.

Công suất tính toán GD dài hạn 2030: $S = 3533\text{kVA}$ (trong đó: Phụ tải DVCC 815kVA). Vì vậy giai đoạn này đề xuất xây dựng mới 5 trạm biến áp 22/0,4kV với công suất 3x400kVA; 2x320kVA phục vụ sinh hoạt, dịch vụ công cộng.

6.5. Thông tin liên lạc

- Giải pháp quy hoạch

Trong khu vực nghiên cứu ta xây dựng 01 trạm trung tâm (trạm HOST) và trạm vệ tinh đặt tại trung tâm hành chính khu kinh tế. Cấp quang từ các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông đến trạm trung tâm qua sợi FO-8, cáp từ trạm trung tâm đi các trạm vệ tinh dùng loại FO-96. Tất cả các tuyến cáp quang này hạ ngầm trên vỉa hè, độ sâu trong hào cáp, khoảng cách đến chân các công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành TC30-05-2002.

Xây dựng và mở rộng số lượng cáp gốc, cáp nhánh nhằm đáp ứng với tốc độ phát triển thuê bao, cũng như phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế.

- Mạng thông tin di động:

Đối với khu vực thiết kế trong tương lai các nhà mạng sẽ phải nâng cấp các trạm BTS hiện có và lắp thêm một số trạm mới nhằm đáp ứng tốt về mặt phủ sóng trên địa bàn cũng như sự cạnh tranh về chất lượng dịch vụ. đặc biệt là ở những khu

Chất thải sau đó được xe chở rác chuyên dụng thu gom và đưa về khu xử lý chất thải rắn tại khu vực phía Đông xã Đăk Kan giáp thị trấn Plei Kần.

- Nghĩa trang:

Khu vực nghiên cứu sử dụng nghĩa trang tại đường N5, xã Đăk Xú. Quy mô nghĩa trang khoảng 40 ha.

Các ngôi mộ hiện trạng sẽ di dời khi nhà nước thực hiện quy hoạch.

7. Tổng hợp dự kiến kinh phí đầu tư

TT	Hạng mục	Kinh phí (triệu đồng)
1	Giao thông	290.283
2	San nền, thoát nước mưa	78.000
3	Cấp điện	31.735
4	Thông tin liên lạc	10.640
5	Cấp nước	5.779
6	Thoát nước bản và VSMT	24.208
7	Đền bù GPMP	99.354
	Cộng	539.999

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng và Chủ tịch UBND thị trấn Plei Kần:

- Tổ chức công bố quy hoạch, triển khai cắm mốc giới ra ngoài thực địa để thực hiện quản lý theo quy hoạch được duyệt.

- Có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung đồ án quy hoạch đã được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành về quy hoạch xây dựng.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị trấn Plei Kần, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các P. Chủ tịch UBND huyện;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, TH.



Trần Văn Chí